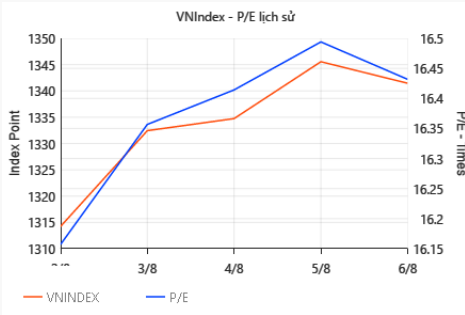


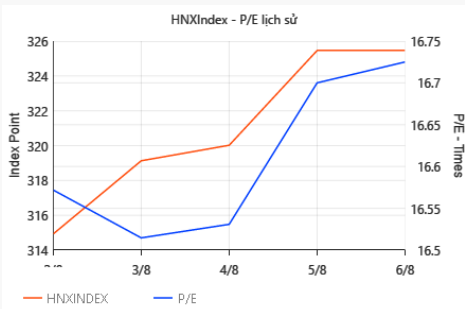


VN-INDEX



Điểm số	1,341.45
Tuần qua (WoW)	2.40%
Từ đầu năm (YTD)	21.52%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	28.32%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	25.25%
P/E	16.43
P/B	2.64

HNX - INDEX



Điểm số	325.46
Tuần qua (WoW)	3.37%
Từ đầu năm (YTD)	60.23%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	44.50%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	43.07%
P/E	16.73
P/B	1.85

Bộ phận Chiến lược đầu tư

BIẾN THỂ MỚI THÁCH THỨC PHỤC HỒI KINH TẾ

Đợt bùng phát hiện tại đang gây áp lực trực tiếp tới các hoạt động kinh tế, cả hoạt động tiêu dùng lẫn sản xuất tại các khu công nghiệp. Tuy nhiên với khả năng hoạt động kinh doanh tiếp tục bị gián đoạn, kích thích tiền tệ vẫn sẽ rất hạn chế do lo ngại nợ xấu đến từ cơ quan quản lý. Do vậy kỳ vọng hạ lãi tỷ lệ dự trữ bắt buộc (tương tự động thái của Trung Quốc gần đây) chưa hợp lý.

Mùa báo cáo kinh doanh quý 2 đã gần kết thúc với bức tranh rất tích cực, chủ yếu do nền thấp của năm trước đó. Nhà đầu tư sẽ cần tập trung vào các doanh nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng hơn là chỉ nhìn vào tăng trưởng của quý.

Tuần giao dịch vừa qua chứng kiến nhóm Bất động sản khá nổi bật trên thị trường bên cạnh nhóm Chứng khoán, Logistics. Nhiều cổ phiếu Bất động sản chủ yếu tích lũy trong nửa đầu năm 2021 đang tạo kỳ vọng thu hút dòng tiền chốt lời tại nhóm dẫn dắt nửa đầu năm như Ngân hàng.

Việc giá cổ phiếu hồi phục nhanh chóng về vùng đỉnh lịch sử, đi cùng với thông tin kết quả kinh doanh đã được công bố, áp lực chốt lời ngắn hạn có thể sẽ xuất hiện. Sau Delta, Kappa là một biến thể mới xuất hiện tại Ấn độ, tình hình dịch bệnh được dự báo sẽ tiếp tục phức tạp kể cả tại các quốc gia đã có mức độ tiêm chủng cao. Nhà đầu tư xem xét thực hiện cơ cấu lại danh mục, chốt lời tại các cổ phiếu tăng mạnh và kiên nhẫn chờ đợi giải ngân tại vùng giá hợp lý trong các nhịp điều chỉnh ngắn hạn của thị trường.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Năm giữ bổ sung mã CTG, điều chỉnh nâng giá mục tiêu HAH. **Danh mục Giao dịch** không có thay đổi, VND đã đạt giá mục tiêu.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Thị trường chung tiếp tục có tuần tăng điểm tích cực nhưng thực tế là sự phân hóa diễn ra rất rõ rệt. Do đó, nên tận dụng tối đa tâm lý tích cực để cơ cấu lại danh mục, đồng thời hạ thấp tỉ trọng nếu mức nắm giữ cổ phiếu đang vượt quá khả năng chịu rủi ro. Hạn chế mua đuổi và chỉ nên giải ngân ở khu vực cung cầu cho thấy việc tạo ra sự cân bằng trở lại.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	14.8%	-	0.4%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	29.4%	-	2.8%
HAH	03/08/21	3	49,000	Mua	60,000	22.4%	15.4%	-	118.1%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	13.1%	-	18.2%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Tăng tỷ trọng	41,000	14.7%	-	8.0%	23.9%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	96.8%	154.0%
VHM*	16/11/20	1	76,600	Nắm giữ	88,315	15.3%	-	29.0%	48.7%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	22.1%	97.5%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	51.5%	165.8%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	9.9%	-	134.3%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	29.7%	64.8%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	2.9%	33.0%
MWG*	31/07/20	2	128,500	Nắm giữ	154,500	20.2%	-	11.0%	133.4%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	11.9%	88.6%
SBT	08/02/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	25.7%	-	3.2%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	23.9%	-	17.2%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	6.3%
LAS	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	10.0%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	-0.2%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	42.7%
DPG	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	29.6%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	13.6%
IDC	28/05/21	36,000 - 38,500	56,000	33,000	1:3	-11.4%
SSI*	20/05/21	36,000 - 39,000	51,000	33,000	1:2	44.6%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	20.5%
SMC	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	25.8%
BCG	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	-3.1%
DIG	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	9.5%
GMD	07/04/21	35,000 - 36,200	55,000	32,700	1:5	33.4%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	44.3%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	-1.7%
VIC*	26/03/21	109,000-114,000	145,000	107,000	1:4.5	-0.6%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	-0.4%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	67.9%
GAS	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	10.7%
CNG	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	7.8%
CCL	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	2.9%
LAF	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	10.3%
VSH	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	11.4%
MSR	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	-2.9%

SFI	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	33.2%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	177.3%
PGV	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	19.2%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	117.3%
DRI*	20/10/20	4,730 – 5,230	10,230	3,930	1:4	95.0%

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
BID	28/05/21	46,000 – 48,500	65,000	42,500
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000
CEO	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900
GEG	08/03/21	18,000 – 19,200	28,000	16,800
FCN	08/03/21	14,000 – 15,000	22,000	13,400
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900
SAM	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200
SAM	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC
Kích thích tiền tệ

Các chỉ số vĩ mô tháng 7 vừa qua đều cho thấy sức tác động mạnh mẽ từ đợt bùng phát dịch hiện tại: Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng thấp 2.2%, PMI tăng nhưng chỉ lên được 45.1 do nhiều khu công nghiệp không thể duy trì hoạt động. Hoạt động bán lẻ cũng giảm mạnh trong tháng vừa qua. Với tình hình như vậy, việc NHNN hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho Agribank gần đây đang khiến thị trường có kỳ vọng vào một động thái hạ chung (tương tự như Trung Quốc) để hỗ trợ nền kinh tế. Chỉ số giá tiêu dùng hiện đang duy trì ở mức thấp do sức tiêu dùng yếu đang tạo room cho kích thích tiền tệ và gần đây NHNN cũng đã vận động các ngân hàng hạ lãi suất. Mặc dù vậy, với thanh khoản có thể coi vẫn còn dồi dào trên hệ thống, hạ dự trữ bắt buộc sẽ chưa được tính tới do tính chất bị động của công cụ này. Động thái đối với Agribank chủ yếu đến từ tập khách hàng ngành nông nghiệp, chịu tác động trực tiếp trong đợt bùng phát dịch hiện tại.

Kết quả kinh doanh quý 2

Chúng ta gần như đã có kết quả kinh doanh quý 2 của hầu như toàn bộ các doanh nghiệp. Với nền thấp của 2020, hầu hết các nhóm ngành đều có tăng trưởng về mặt doanh thu. Ngành Chứng khoán, Thép, Bất động sản, Logistics, Dầu khí, Hàng tiêu dùng là các nhóm ngành có tăng trưởng tốt, chúng tôi cho rằng có nhiều cơ hội tại nhóm ngành này. Lợi nhuận ngành Ngân hàng vẫn hết sức vững chắc, tuy nhiên với triển vọng quý 2 nhìn chung thấp hơn quý 1, việc lựa chọn cổ phiếu sẽ phải chọn lọc hơn. CTG là mã chúng tôi đã bổ sung vào danh mục nắm giữ trong tuần qua trong khi tăng giá mục tiêu HAH.

ĐIỂM LẠI TUẦN GIAO DỊCH TRƯỚC

Trong nước: Thị trường duy trì đà tăng điểm tuần qua với thanh khoản cải thiện mạnh mẽ trên cả 2 sàn và đây sẽ là điểm cần chú ý khi thị trường đã về vùng giá có thể gặp kháng cự. Bộ đôi VIC +5.69% và VHM +5.17% là 2 trụ kéo thị trường chính trong tuần và tất cả các nhóm ngành đều đồng thuận tăng điểm.

Chứng khoán và Bất động sản là 2 ngành tăng điểm mạnh nhất tuần với DIG +13.48%, SZC +8.18%, FTS +16.48%, VCI +9.24%, VND +8.68%. Khối ngoại có 1 tuần mua ròng giá trị lớn 2.4 ngàn tỷ, tập trung vào VHM, STB, SSI.

Quốc tế: Thị trường thế giới nhìn chung đều duy trì đà tăng nhưng các thị trường châu Á nổi bật hơn, đặc biệt là Việt Nam. Tại Mỹ, số ca mắc mới hàng ngày về lại mức đỉnh trên 100 nghìn ca dù tỷ lệ tiêm chủng trên người trưởng thành đã đạt được kế hoạch 70%. Điều này đã tạo nên sự e ngại về một đợt bùng phát mới. Số liệu công việc rất tích cực trong tháng 7 đã vượt dự báo của thị trường trong khi tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục giảm xuống 5.4%. Tuy nhiên, do số liệu này được chốt giữa tháng, thời điểm biến thể Delta chưa tác động mạnh, nên dòng tiền thị trường Mỹ cũng đã thận trọng hơn. Biến chủng Kappa mới xuất hiện tại Ấn độ.

CHIẾN LƯỢC

Không chỉ Mỹ, các đối tác thương mại chính của Việt Nam đều đang chịu áp lực từ biến chủng Delta, triển vọng tăng trưởng mạnh nhờ nhu cầu quốc tế bùng nổ sau dịch của các ngành xuất khẩu do vậy sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp.

Nhà đầu tư nên tập trung vào các nhóm ngành có kết quả kinh doanh tốt và triển vọng sẽ duy trì được tốc độ tăng trưởng trong nửa sau 2021 và cần thận trọng với các nhóm ngành chịu tác động từ đại dịch. Tiến độ tiêm vaccine đang được kỳ vọng sẽ kiểm chế tốc độ bùng phát của đại dịch, nhưng Việt Nam vẫn còn một chặng đường dài, chưa tính tới các áp lực của các biến chủng mới.

Việc giá cổ phiếu hồi phục nhanh chóng về vùng đỉnh lịch sử, đi cùng với thông tin kết quả kinh doanh đã được công bố, áp lực chốt lời ngắn hạn có thể sẽ xuất hiện. Nhà đầu tư xem xét thực hiện cơ cấu lại danh mục, chốt lời tại các cổ phiếu tăng mạnh và kiên nhẫn chờ đợi giải ngân tại vùng giá hợp lý trong các nhịp điều chỉnh ngắn hạn của thị trường.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNINDEX)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 2.4%, mở cửa sát tham chiếu và cao hơn một chút so với mức thấp nhất tuần, đóng cửa cao hơn mở cửa và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn ba tuần liền trước đó. Việc khối lượng giao dịch cả tuần lớn hơn tuần liền trước nhưng mức tăng lại thấp hơn cho thấy dù thị trường tăng nhưng tốc độ tăng đã giảm xuống, và lí do không gì khác hơn là việc lực bán bắt đầu dần xuất hiện do bị thu hút bởi việc giá tăng lên. Trong năm ngày giao dịch của tuần, chúng ta thấy khối lượng giao dịch đều lớn hơn trung bình, nhưng chỉ có ngày thứ ba và thứ năm VNINDEX cho thấy đà tăng mạnh mẽ và đóng cửa ngày ở mức cao. Trong khi ngày thứ hai đầu tuần và ngày thứ tư lực mua giá cao đều có phần suy yếu và sau đó thị trường được hỗ trợ bởi việc lực bán giá thấp suy yếu và lực mua giá thấp xuất hiện. Nhưng diễn biến trong ngày thứ sáu cuối tuần thì lại có phần khác hẳn 4 ngày còn lại, khi chứng kiến lực bán giá thấp gia tăng mạnh mẽ trong buổi chiều và chiếm phần chủ đạo, khối lượng giao dịch của ngày thứ sáu cũng là lớn nhất trong tuần và lớn nhất kể từ khi tạo đáy ngắn hạn ở vùng 1,230.

Với diễn biến ngày cuối tuần như vậy thì không loại trừ khả năng trong tuần tới đây VNINDEX sẽ cần phải có một sự điều chỉnh, để lực bán và lực mua tìm được sự cân bằng. Nếu nhìn vào diễn biến theo mức vốn hóa thì có thể thấy trong tuần vừa qua áp lực chủ yếu đến từ các cổ phiếu vốn hóa lớn đại diện bởi chỉ số VN30. Trong khi đó, chỉ số VNMidCap, đại diện cho các cổ phiếu vốn hóa vừa (vốn chiếm đa số trên thị trường), hầu như luôn có diễn biến tích cực hơn so với VN30 và VNINDEX, đó có thể coi là một tín hiệu tốt cho thị trường chung.

Vai trò	Vùng điểm của VNINDEX
Hỗ trợ	1,230
	1,300
Kháng cự	1,350 – 1,420

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

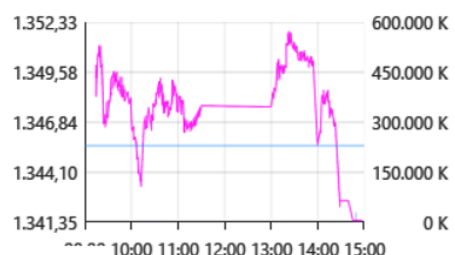
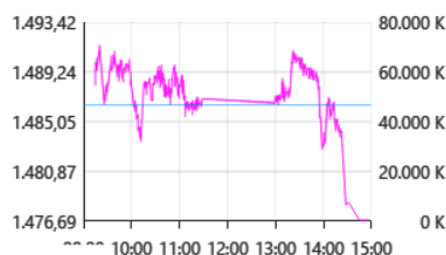
2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

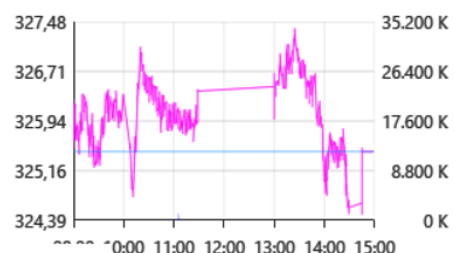
Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	+105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	+17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	+14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	+130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	+11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	+26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	+62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	+44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 2	73,470	123,000	67.4%	+74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	+58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

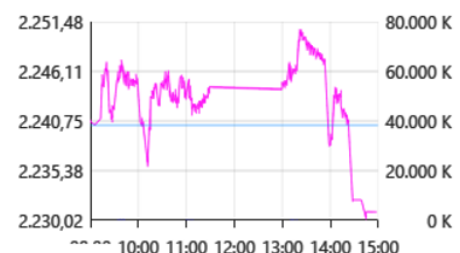
(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.
 Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.
 Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,341.45	-0.30%	-4.10	736.16	22,511.2	177	43	200
Vn30 - Index	1,476.79	-0.65%	-9.67	218.71	11,126.4	8	2	20
Vn - Mid	1,624.43	-0.32%	-5.25	279.67	7,477.6	29	5	36
HNX - Index	325.46	0.00%	0.00	171.93	4,451.9	108	78	89
Upcom - Index	88.28	0.40%	0.35	107.09	1,508.9	236	92	113
VNX-ALL	2,230.93	-0.43%	-9.58	799.94	25,076.4	207	84	193

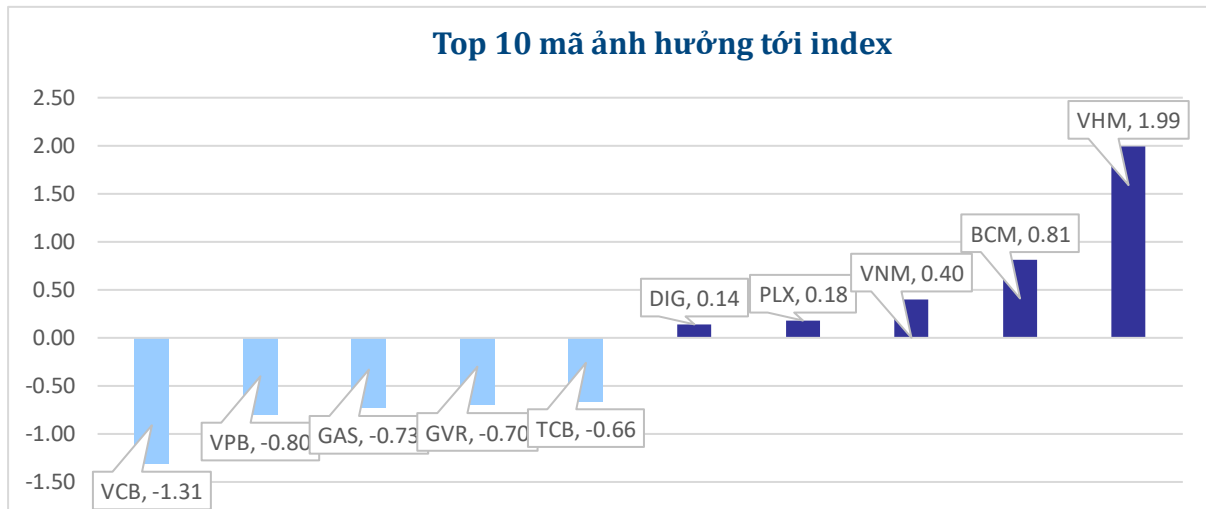
BIẾN ĐỘNG TRONG PHIÊN
VN-INDEX

VN30

VN-MID

HNX-INDEX

UPCOM

VNX-ALL

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

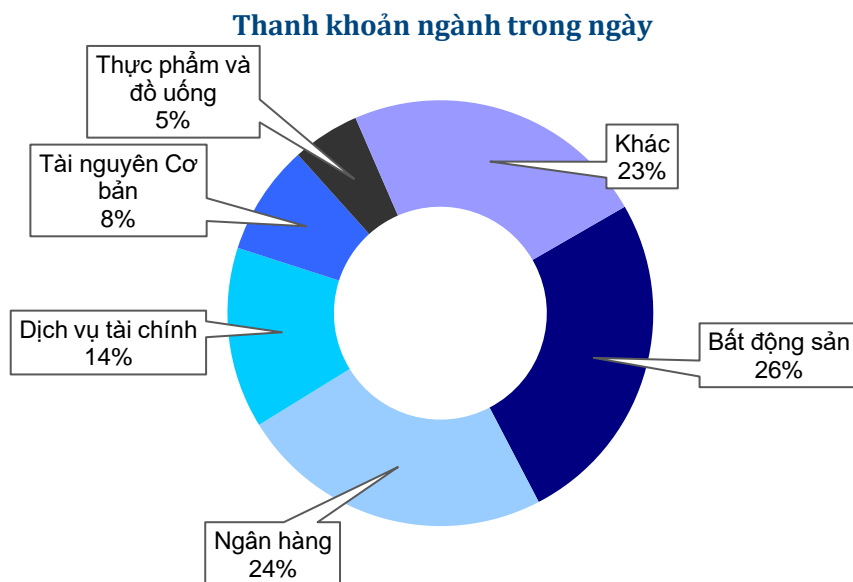
Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	22,511.16	16.49%	736.16	15.84%
HNX	4,451.90	15.03%	171.93	11.48%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN



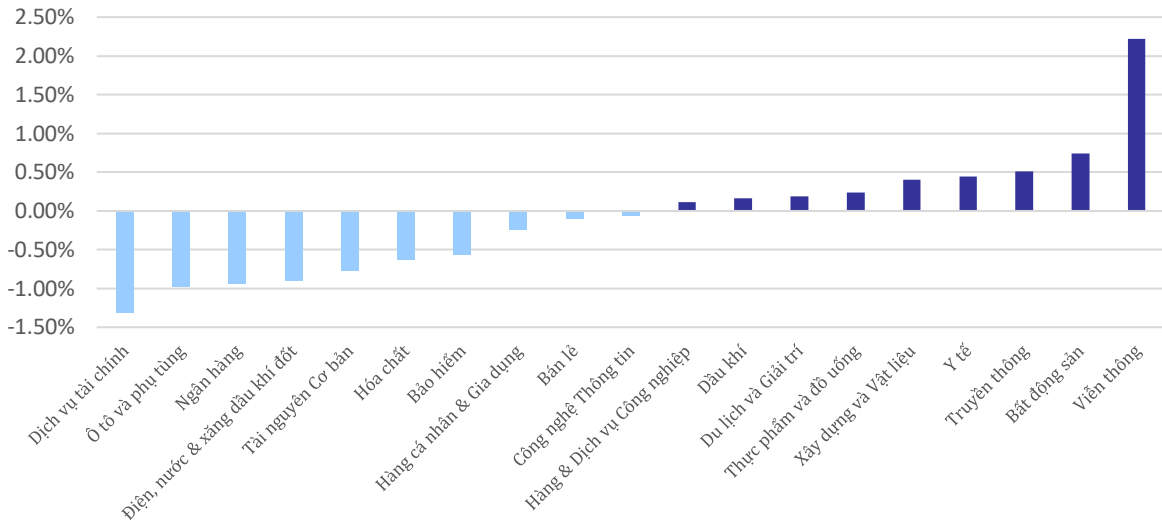
Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
STB	30.92	VHM	1,271.9	PAN	286%	HAH	6.7%	STB	-2.4%
FLC	26.26	HPG	978.8	AAA	232%	DIG	4.7%	VND	-2.1%
SHB	23.98	STB	949.8	VHM	231%	FRT	4.1%	SSI	-1.9%
HPG	20.10	SSI	938.1	HBC	223%	AAA	3.6%	VPB	-1.9%
CTG	18.94	TCB	844.2	DIG	211%	FIT	3.1%	ROS	-1.5%

NHÓM NGÀNH





Biến động các nhóm ngành trong ngày

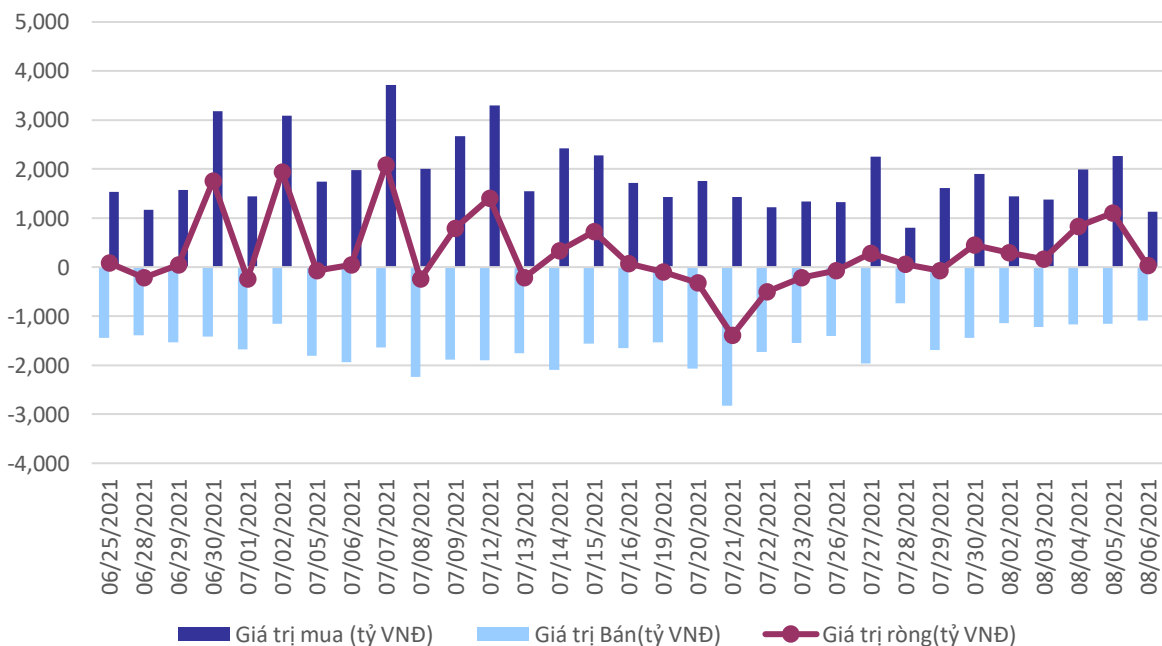


GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

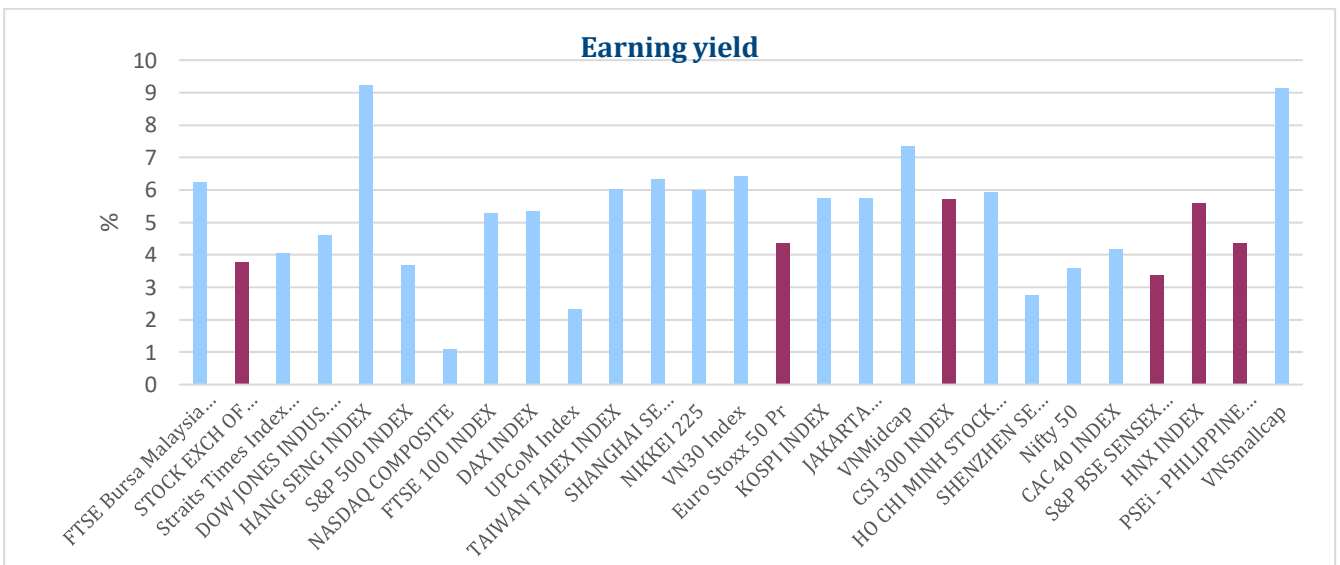
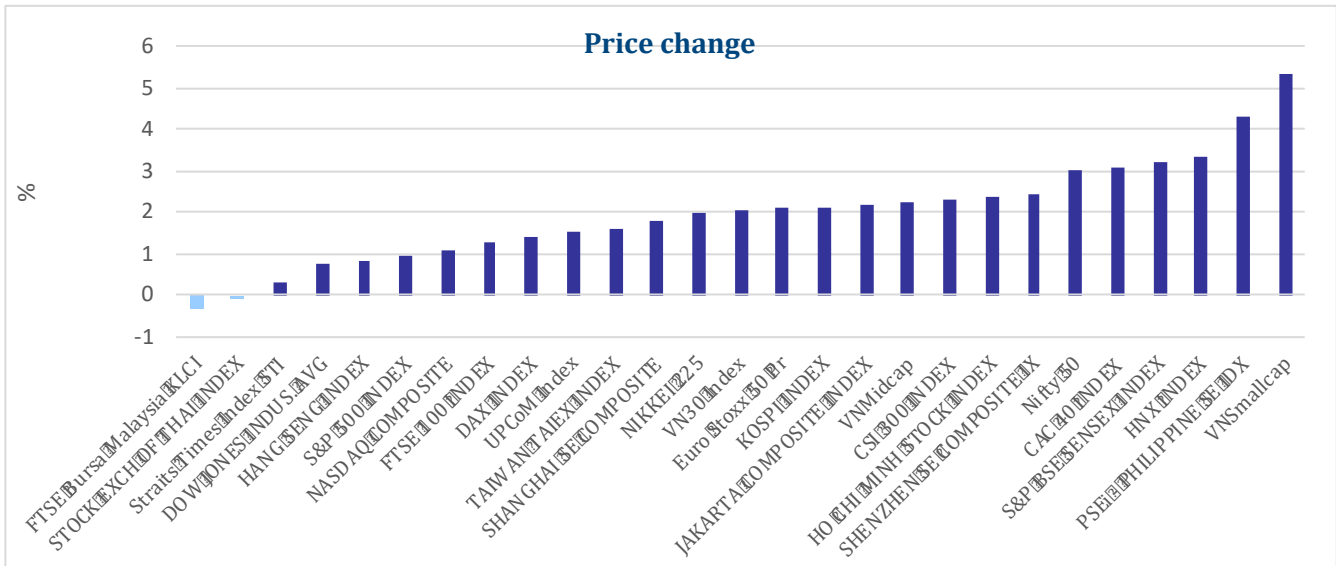
Trên HOSE mua ròng 37.84 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 4.28 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
SSI	116.57	VNM	80.96
STB	100.18	GAS	61.74
HPG	70.60	VRE	49.99
DXG	27.87	VIC	33.70
MBB	21.86	DIG	30.18

Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE



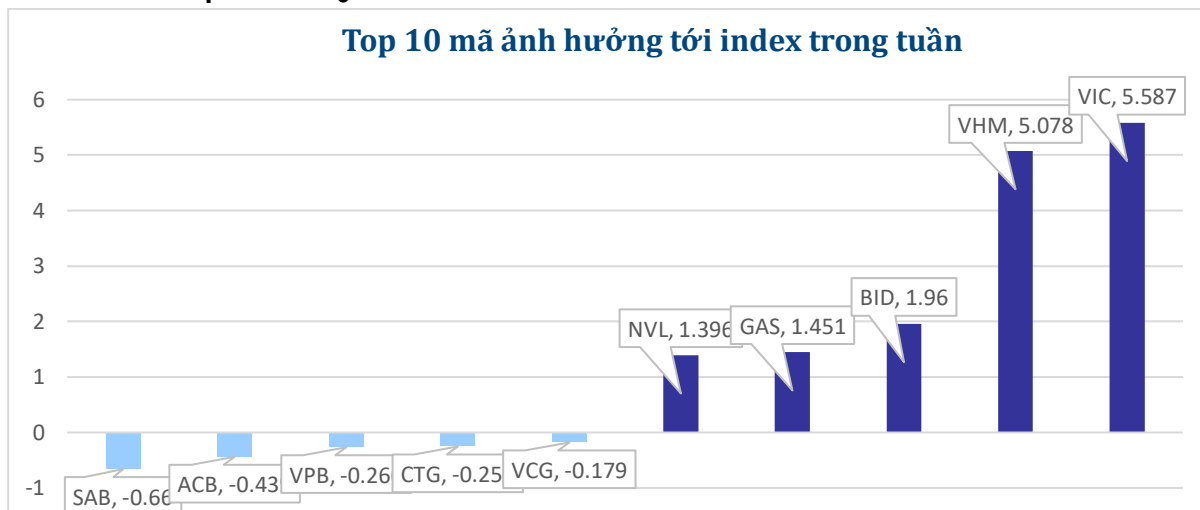
BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN



ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)

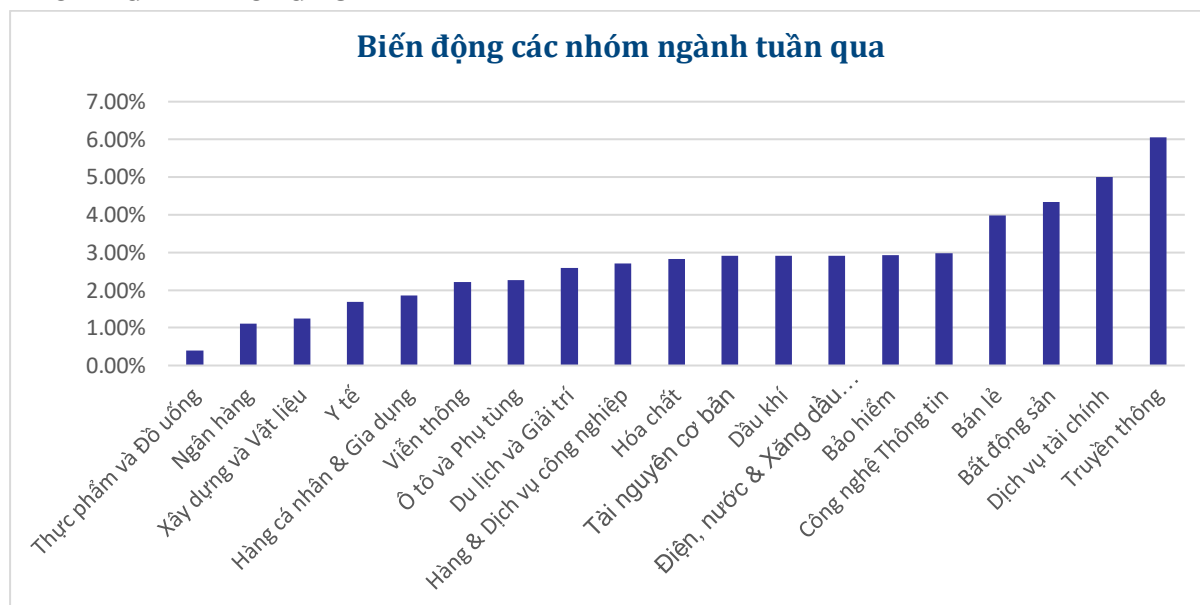


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA

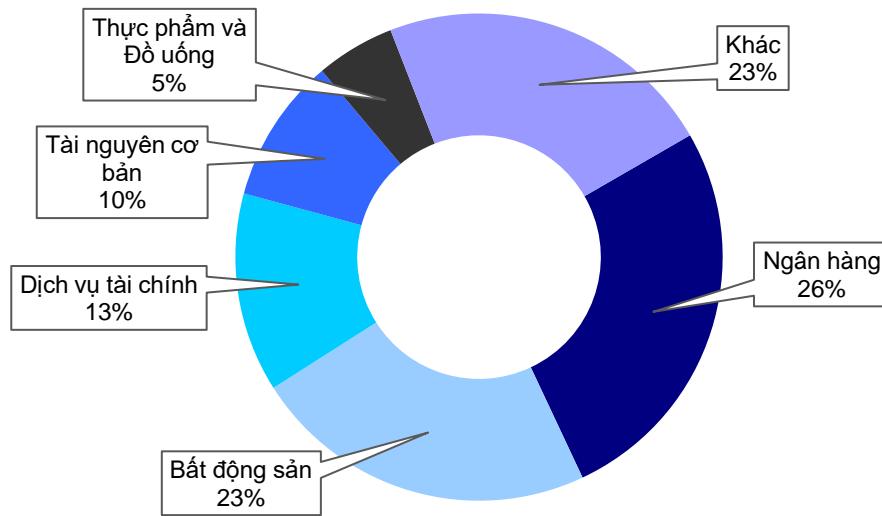


Top KLGĐ (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
STB	32.6	HPG	1,212.7	TBD	10.52x	VNA	34.9%	PSH	-11.0%
HPG	25.3	STB	987.7	VCW	4.63x	HAI	29.7%	TBD	-8.9%
FLC	21.8	TCB	874.5	TCO	4.49x	DAH	29.5%	SCG	-4.6%
SHB	19.1	SSI	833.0	DVP	3.69x	VOS	28.1%	NTC	-4.2%
CTG	19.0	VHM	784.5	CSV	3.43x	BFC	26.1%	VCG	-3.4%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN



Đóng góp thanh khoản trong tuần

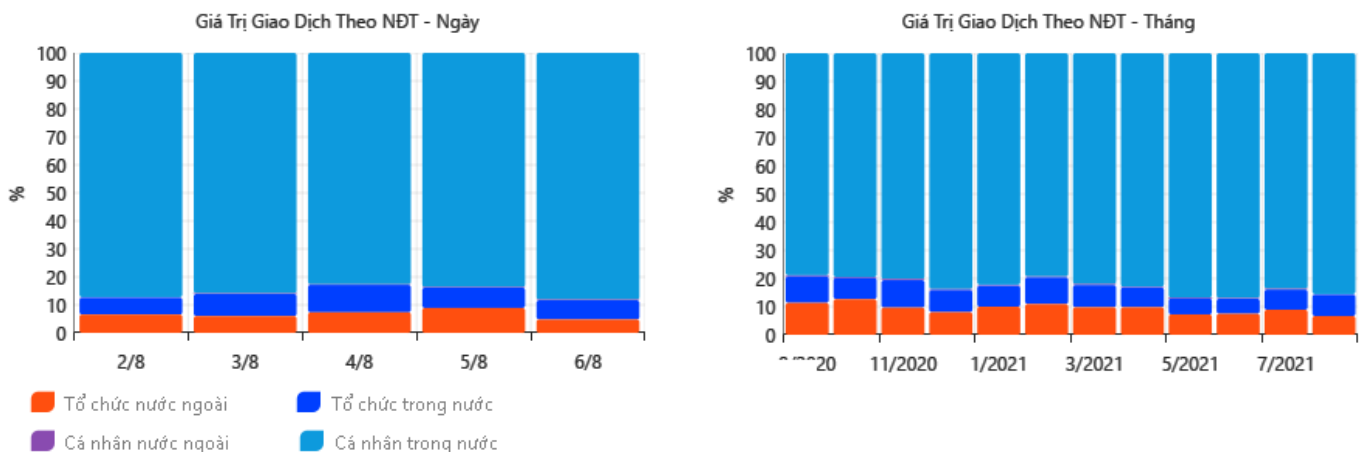


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

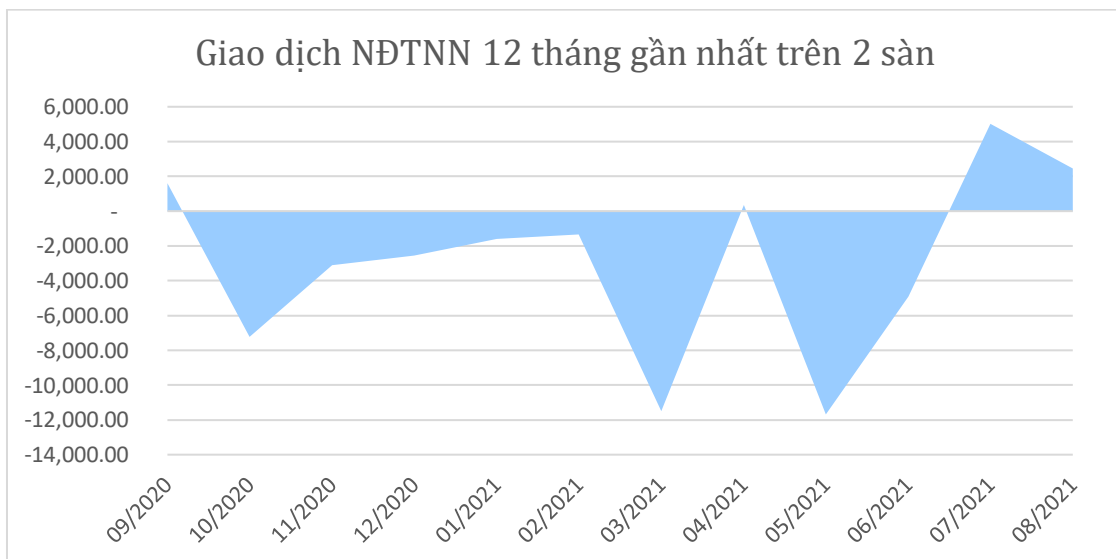
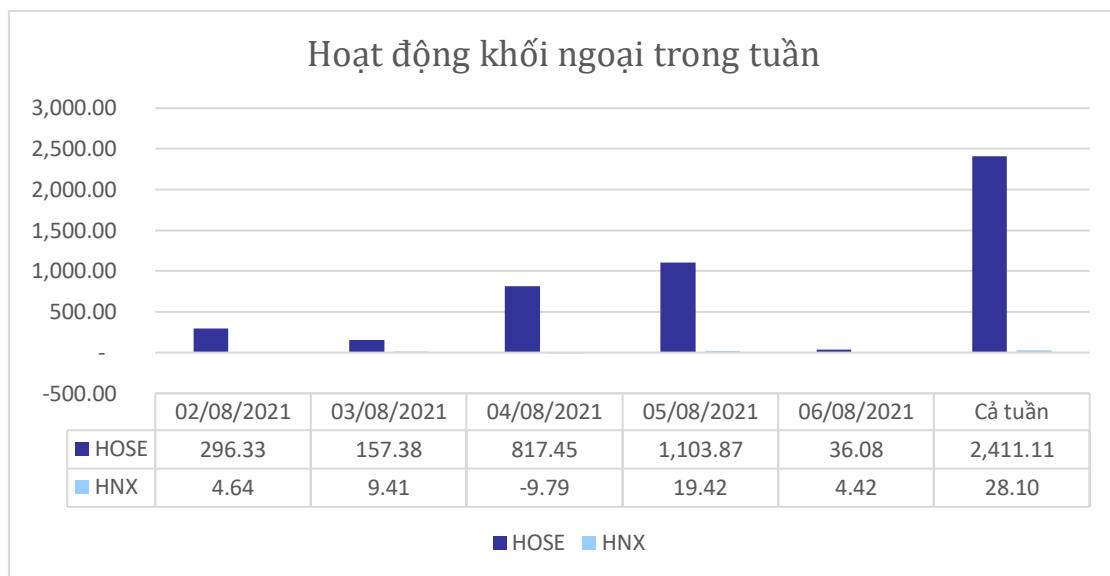
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	2.33%	10,191.96	VHM	5.17%	5,517.66
STB	1.34%	8,514.39	HPG	2.33%	2,147.62
TCB	1.37%	7,905.28	VIC	5.69%	1,358.61
SSI	3.30%	7,336.82	VNM	1.28%	1,287.66
CTG	-0.73%	5,710.54	STB	1.34%	1,197.35

Tỷ trọng giao dịch



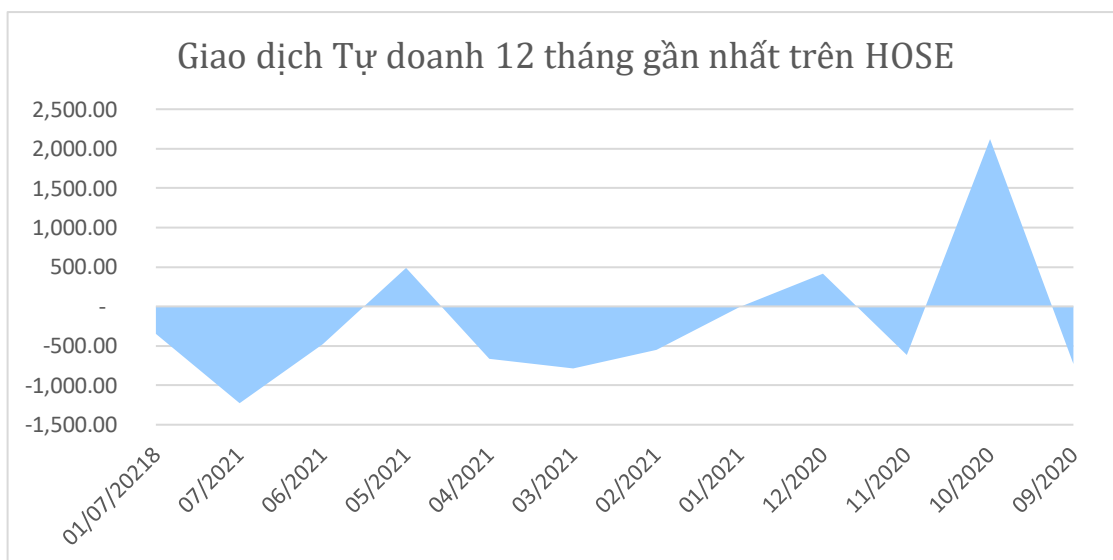
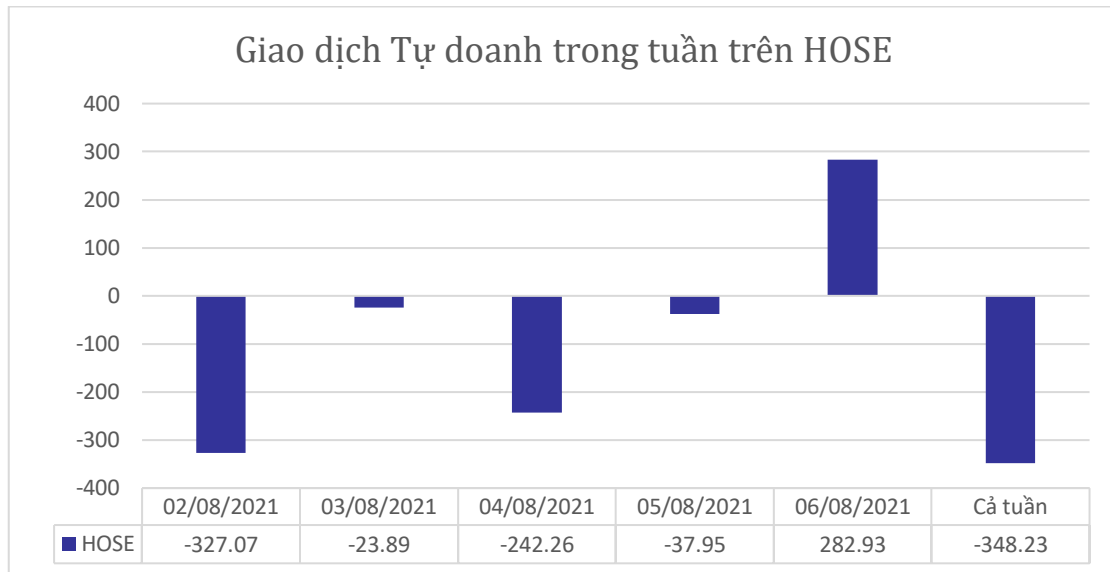
KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VHM	5.17%	985.15	VIC	5.69%	374.70
STB	1.34%	702.33	VNM	1.28%	203.75
SSI	3.30%	639.14	VRE	1.08%	155.85
MBB	2.60%	208.07	GAS	3.13%	103.57
HDB	3.86%	146.63	SZC	8.18%	63.57



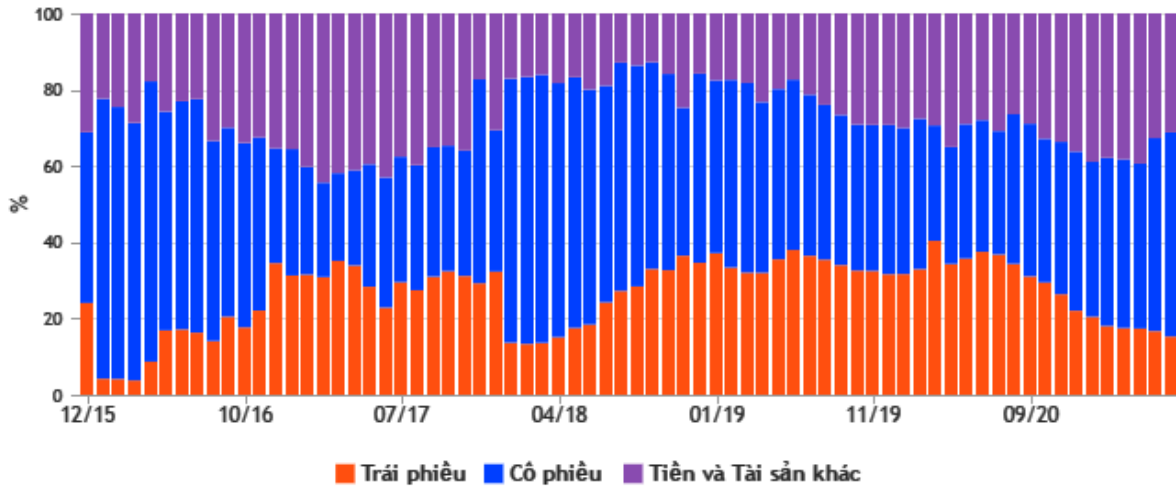
HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH CỦA CÁC CTCK TRÊN HOSE

Top Tự doanh Mua rờng			Top Tự doanh Bán rờng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	2.77%	184.74	FUEVFNVD	1.18%	143.06
VHM	5.17%	93.60	NLG	0.23%	87.92
KDH	1.72%	73.71	IJC	5.16%	83.45
VNM	1.28%	65.69	PNJ	0.42%	76.94
MWG	4.51%	37.10	STB	1.34%	50.85

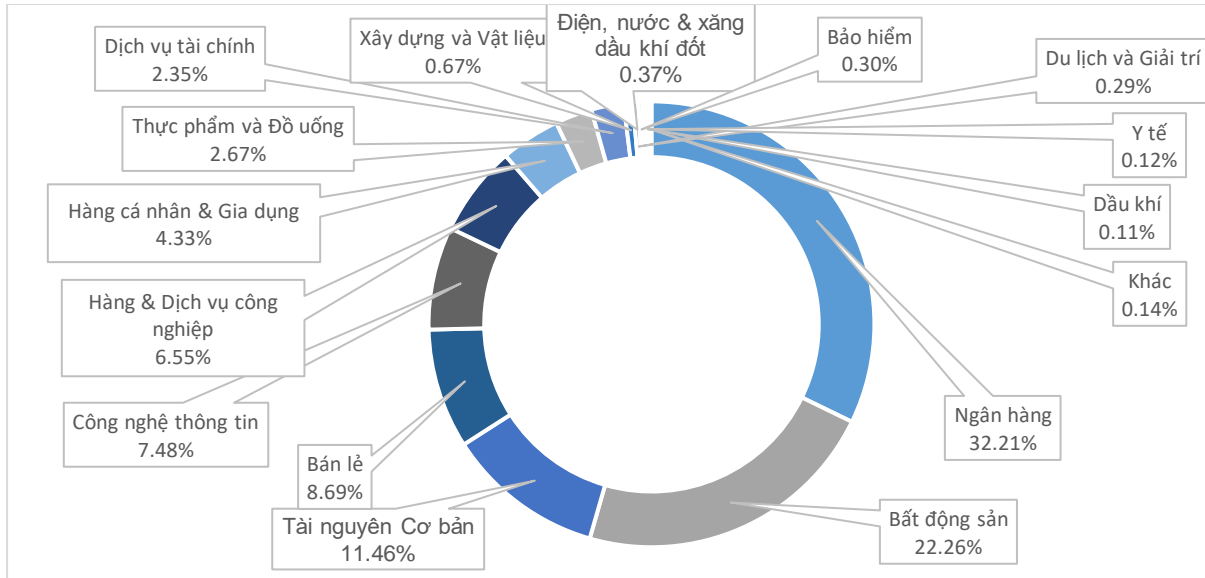


TỔ CHỨC (40 quỹ do finpro platform theo dõi)

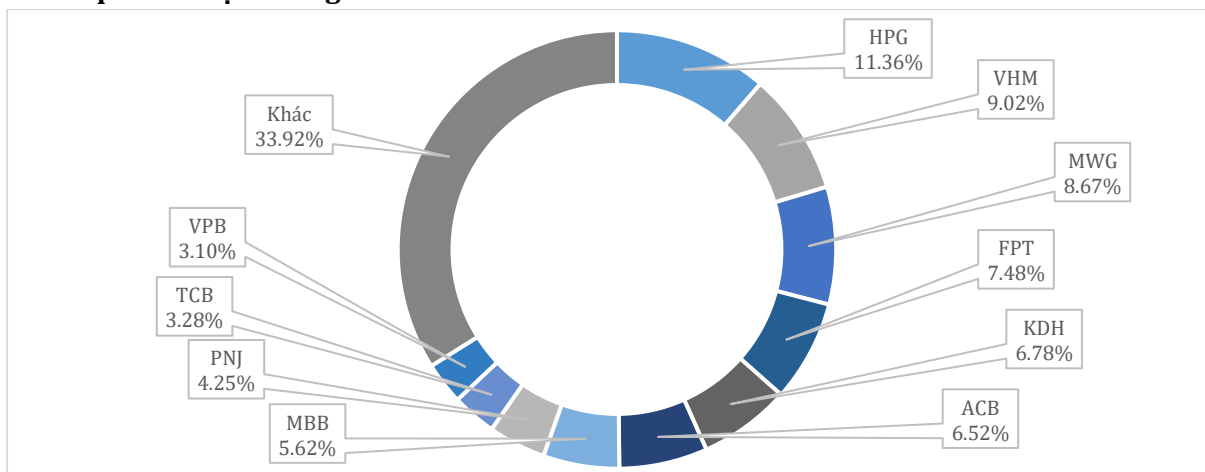
Phân bố tài sản



Phân bố các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
DTE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	09/08/21	10/08/21	09/08/21
HDC	HSX	Giao dịch 16.628.037 cp niêm yết bổ sung			09/08/21
MKP	Upcom	Giao dịch 2.296.867 cổ phiếu niêm yết bổ sung	09/08/21	09/08/21	09/08/21
GEX	HSX	Niêm yết bổ sung 292.946.400 cp		09/08/21	09/08/21
NJC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	09/08/21	10/08/21	20/08/21
VPD	HSX	Trả cổ tức còn lại năm 2020 (200đ/cp)	09/08/21	10/08/21	25/08/21
SHI	HSX	Niêm yết bổ sung 9.109.780 cp		09/08/21	09/08/21
ND2	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	09/08/21	10/08/21	31/08/21
CTR	Upcom	Giao dịch 21.142.045 cổ phiếu niêm yết bổ sung	09/08/21	09/08/21	09/08/21
EIC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	09/08/21	10/08/21	30/08/21
T12	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	09/08/21	10/08/21	09/08/21
CQN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	09/08/21	10/08/21	09/09/21
GEG	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	09/08/21	10/08/21	09/08/21
CEN	Upcom	Bán ưu đãi (tỷ lệ 1:2)	10/08/21	11/08/21	10/08/21
VTK	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp), trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 15%)	10/08/21	11/08/21	20/08/21
BAB	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 1000:63)	10/08/21	11/08/21	10/08/21
SBH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	10/08/21	11/08/21	31/08/21
EVS	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	10/08/21	11/08/21	10/08/21
HTN	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			10/08/21
VID	HSX	Giao dịch 4.630.719 cp niêm yết bổ sung			11/08/21
TQW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)	11/08/21	12/08/21	30/08/21
TNT	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021	11/08/21	12/08/21	11/08/21
SJD	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	11/08/21	12/08/21	11/08/21
HMG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	11/08/21	12/08/21	11/08/21
STT	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	11/08/21	12/08/21	11/08/21
XDH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	11/08/21	12/08/21	23/08/21
PKR	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	12/08/21	12/08/21	12/08/21
PAC	HSX	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020 (500 đ/cp)	12/08/21	13/08/21	27/08/21
CKD	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.700đ/cp)	12/08/21	13/08/21	30/08/21
VHE	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	12/08/21	13/08/21	12/08/21
RIC	HSX	ĐHĐCĐ bất thường	13/08/21	16/08/21	09/09/21
PSW	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400 đ/cp)	13/08/21	16/08/21	06/09/21
HDA	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	13/08/21	16/08/21	01/09/21
QBR	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	13/08/21	13/08/21	13/08/21
YRC	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	13/08/21	13/08/21	13/08/21
DXD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	13/08/21	16/08/21	13/08/21
TID	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	13/08/21	16/08/21	30/08/21
TBH	Upcom	Giao dịch 93.117.800 cổ phiếu đăng ký giao dịch	13/08/21	13/08/21	13/08/21
VC2	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	13/08/21	16/08/21	13/08/21
EMG	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	13/08/21	16/08/21	13/08/21



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Securities (Vietnam) không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan (Vietnam) và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan (Vietnam) không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan (Vietnam) tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan (Vietnam). Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@gtjas.com.vn Website: www.ivs.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696